타잉화성 2045년 지향 2021-2030년 도시 계획

2030년까지 운송교통 인프라 개발방안 지도

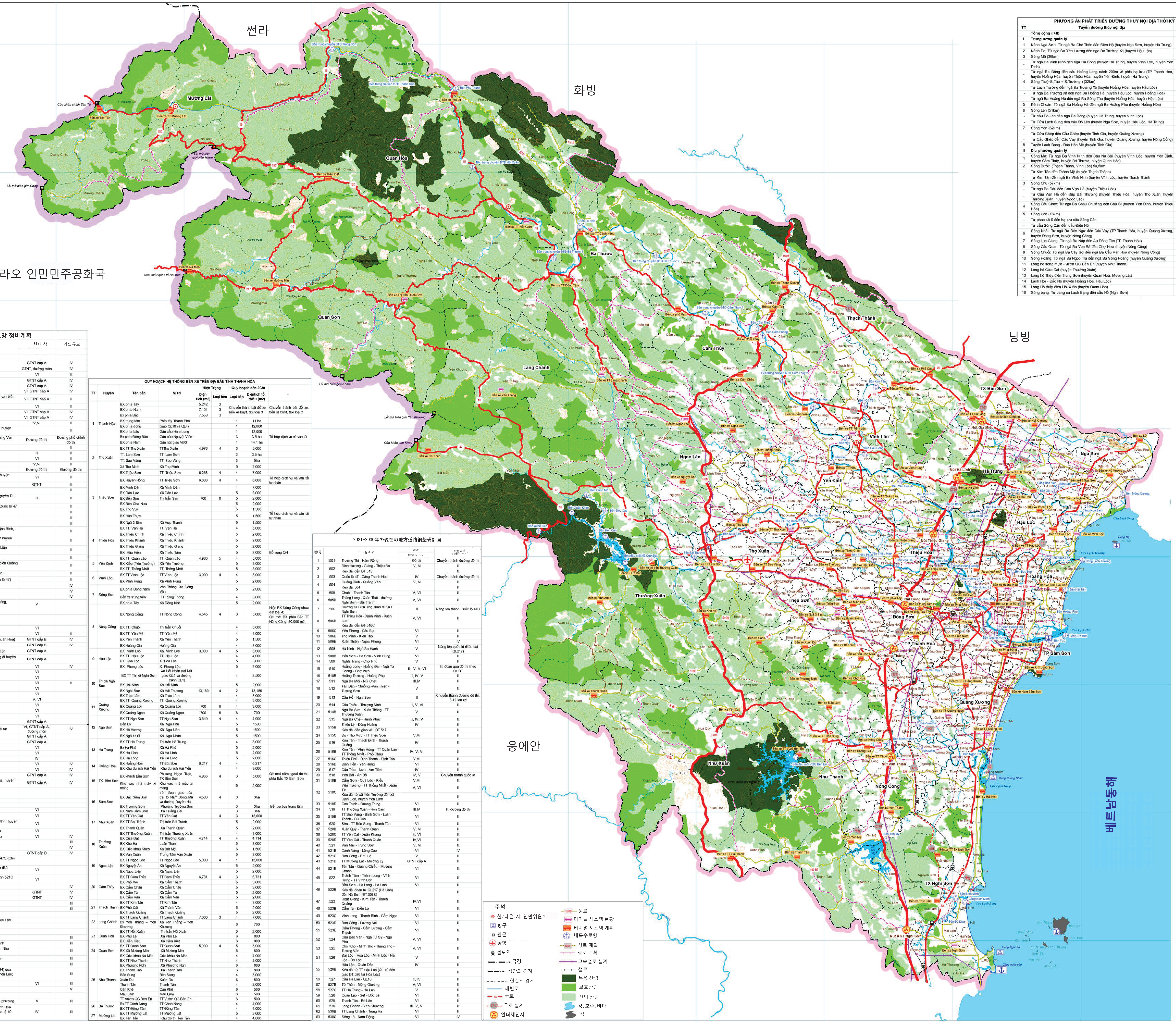

2021-2030년 현재의 지방도로망 정비계획

No.	도로명	현재 상태	기획규모
I	**Các tuyến đường huyện, đường đô thị lên đường tỉnh**		
1	Đường Tam Lư - Tam Thanh	GTNT cấp A	IV
2	Nam Tiến - Trung Sơn	GTNT, đường mòn	IV
3	Công - Hải Thanh	VI	III
4	Tân Phúc - Văn Nho	GTNT cấp A	IV
5	Quang Trung - Thiết Ống	GTNT cấp A	IV
6	Yên Cát - Bãi Trành	VI, GTNT cấp A	IV
7	Tuyến nối đường Thọ Xuân - Nghi Sơn - phía Bắc cầu Ghép QL1A - đường ven biển (đường Minh Khôi - Bắc cầu Ghép)	VI, GTNT cấp A	III
8	Tuyến Công Bình - Công Chính (Nông Cống)	VI	III
9	Tuyến Xuân Thiên - Ngọc Phụng	VI, GTNT cấp A	IV
10	Tuyến Xuân Hòa (QL47C) - Xuân Tín (506B)	VI, GTNT cấp A	IV
11	QL47C - QL47 kéo dài	V,VI	III
12	Tuyến đường từ QL.47B, xã Yên Trường đi đường tỉnh 518C, xã Quý Lộc, huyện Yên Định		III
13	Đường nối từ Quốc lộ 45 đi Sầm Sơn (đường Hải Thượng Lãn Ông và đường Voi - Sầm Sơn)	Đường đô thị	Đường phố chính đô thị
14	Đường nối thành phố Thanh Hóa với Cảng hàng không Thọ Xuân		III
15	Tuyến đường Vành đai phía tây thành phố Thanh Hóa	III	III
16	Đường tuần tra biên giới	VI	III
17	Đường vào Nhà máy giấy Châu Lộc	V,VI	III
18	Đường giao thông từ Quốc lộ 47 đến đường HCM	Đường đô thị	Đường đô thị
19	Đường giao thông từ bản Na Tao xã Pù Nhi đi bản Chai xã Mường Chanh huyện Mường Lát	VI	III
20	Tuyến đường cơ động trong căn cứ hậu phương của tỉnh	GTNT	III
21	Tuyến đường bộ ven biển đoạn qua tỉnh Thanh Hóa		III
22	Tuyến đường từ đầu cầu Hoằng Long, thành phố Thanh Hóa đến đường Nguyễn Du, thành phố Sầm Sơn (Đại lộ Nam sông Mã và đường Trần Nhân Tông)	III	III
23	Tuyến đường nối Quốc lộ 217B, Quốc lộ 217, Quốc lộ 45, Quốc lộ 47C và Quốc lộ 47		III
24	Tuyến đường nối Quốc lộ 45 với Quốc lộ 1A và đường bộ ven biển		III
25	Tuyến đường nối thành phố Thanh Hóa với trung tâm huyện Ngọc Lặc		III
26	Tuyến đường Bắc Sông Mã từ Hoằng Hóa đến Thiệu Hóa		III
27	Tuyến đường từ thành phố Thanh Hóa đi các xã Định Công, Định Thành, Định Bình, Định Hòa, huyện Yên Định		III
28	Tuyến đường nối Quốc lộ 47C với Quốc lộ 1 đoạn từ huyện Nông Cống đến huyện Quảng Xương		III
29	Tuyến đường nối Quốc lộ 47 tại Dân Lực, huyện Triệu Sơn với khu du lịch biển Quảng Đại		III
30	Tuyến đường nối Khu du lịch Bến En với Khu di tích Am Tiên		III
31	Tuyến đường nối Khu du lịch Bến En với đường bộ cao tốc và khu du lịch biển Quảng Lợi		III
32	Tuyến đường nối Quốc lộ 47 với ĐT.530 (Lương Sơn - Giao Thiện - Giao An)		III
33	Tuyến đường Xuân Du - Vân Sơn đi huyện Đông Sơn (nối ĐT.520 với Quốc lộ 47)		III
34	Đường Phượng Nghi - Thượng Ninh		IV
35	Đường Kẻ Lan - Thống Nhất - Lăng Trung, xã Thanh Quân		IV
36	Đường Thượng Ninh - Cát Tân		IV
37	Đường Thiệu Khánh - Thiệu Vân - Thiệu Giao, huyện Thiệu Hóa đi Rừng Thông, huyện Đông Sơn	V	
38	Tuyến đường Minh Sơn - Thành Minh đi Ninh Bình		
39	Thành Công - Vân Du - Bỉm Sơn		
40	Thành Mỹ - Thạch Cẩm - Cẩm Thủy		
41	Đường 4B	VI	
42	Đường 4C	VI	III
43	Đường nối Quốc lộ 217 với Quốc lộ 15C (nối huyện Quan Sơn với huyện Quan Hóa)	GTNT cấp B	IV
44	Đường từ Quốc lộ 217 đi đồn biên phòng Mường Mìn	GTNT cấp B	IV
45	Đường từ Quốc lộ 217 đi xã Điền Thượng đến xã Lập Thành, huyện Ngọc Lặc	GTNT cấp A	
46	Đường từ ngã ba cầu Hón Nga, xã Thiết Ống đi cầu Đại Lạn, xã Điền Trung đi huyện Cẩm Thủy	GTNT cấp A	
47	Đường thị trấn Ngọc Lặc - Mỹ Tân	VI	IV
48	Đường Thành Mỹ - Thành Yên (Thạch Thành)	VI	
49	Đường Thạch Quảng - Thạch Tượng - Lương Nội (Bá Thước)	VI	
50	Đường Nga Nhân - Nga Thiện - Nga An	VI	III
51	Đường Trí Nang - Giao Thiện (Lang Chánh)	VI	
52	Đường từ QL15 đi Giao Thiện (Lang Chánh)	VI	
53	Đường Lộc Tân - Phong Lộc (Hậu Lộc)	V, VI	
54	Đường Mỹ Lộc - Đồng Lộc (Hậu Lộc)	VI	
55	Đường Quang Trung - Ngọc Trung (Ngọc Lặc)	VI	
56	Đường Kiên Thọ - Vân Am - Minh Sơn (Ngọc Lặc)	VI	
57	Đường Ban Công - Cổ Lũng - Hòa Bình	GTNT cấp A	
58	Đường Thường Xuân - đi Thanh Xuân - Thanh Lâm - Thanh Hòa đi tỉnh Nghệ An	VI, GTNT cấp A, đường mòn	IV
59	Đường Cẩm Tú - Cẩm Giang - Cẩm Quý - Lương Trung	GTNT cấp A	
60	Đường Na Mèo - Sơn Thủy (Quan Sơn)	GTNT cấp A	
61	Đường Cầu Trắng - Đồng Lợi (Triệu Sơn)	VI	
62	Đường Thọ Lâm - Xuân Thắng	VI	
63	Tuyến đường tránh phía Bắc thị trấn Quán Lào	IV	
64	Bến Tín - Cầu Vàng	VI	IV
65	TT Hồi Xuân - Trung Tiến	VI	IV
66	Đường Hoá Quỳ - Cát Vân	GTNT cấp A	IV
67	Đường từ xã Thanh Quân, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa đi xã Châu Nga, huyện Quỳ Châu, tỉnh Nghệ An	GTNT cấp A	IV
68	Đường Bắc Sông Chu, huyện Thiệu Hóa		
69	Đường Nam Sông Chu, huyện Thiệu Hóa		
70	Đường nối QL.45, huyện Thiệu Hóa với QL.47, huyện Triệu Sơn		
71	Đường nối 3 đô thị Giang Quang - thị trấn Thiệu Hóa - Ngọc Vũ		
72	Đường từ thị trấn Thiệu Hóa đi Thiệu Duy	VI	
73	Đường Thiệu Hòa, huyện Thiệu Hóa đi Dân Lực, huyện Triệu Sơn	VI	
74	Đường Thiệu Quang - Thiệu Giang - Thiệu Long, huyện Thiệu Hóa đi Định Bình, huyện Yên Định	VI	
75	Đường Thiệu Châu - Thiệu Giao, huyện Thiệu Hóa đi Đông Hòa, huyện Đông Sơn	VI	
76	Đường Thiệu Long đi Thiệu Công, Thiệu Thành, Thiệu Tiến, huyện Thiệu Hóa	VI	IV
77	Đường Quảng Yên - Đông Xuân - Thiệu Giao		III
78	Đường Vạn Bảo - Yên Hoành		IV
79	Ban Công (Bá Thước) - Na Sài (Hồi Xuân)	GTNT cấp B	IV
80	Tuyến tránh QL47C: Từ ĐT506 (xã Nông Trường) đến nút giao với Quốc lộ 47C (Chợ Hảo - Thọ Phú)		
81	Đường Thạch Quảng - Thạch Tượng - Lương Nội - Lũng Niêm - Thành Sơn (Bá Thước)	VI	
82	Đường kết nối từ đường tỉnh 521B tại phố Đoàn xã Lũng Niêm đi đường tỉnh 521C tại thôn Báng, xã Thành Sơn	VI	
83	Tuyến tránh thị trấn Lang Chánh		IV
84	Tuyến đường Yên Thắng - Tam Văn - Văn Nho	GTNT	IV
85	Tuyến đường Yên Nhân - Giao Thiện - Vân Am	GTNT	IV
86	Đường nối QL47 - QL15 - QL217		III
87	Đường Lam Kinh - Thành nhà Hồ		III
88	Đường Cửa Đạt - Dốc Cáy		
89	Đường từ xã Lương Sơn, huyện Thường Xuân đi xã Nguyệt Ấn, huyện Ngọc Lặc		
90	Đường từ xã Kiên Thọ, huyện Ngọc Lặc đi huyện Thường Xuân		
91	Đường từ Xuân Phú, huyện Thọ Xuân đi cầu Tổ rồng, huyện Thường Xuân		
92	Đường tỉnh 505 kéo dài từ xã Thăng Long đi cầu Thắng Phú xã Tế Nông		III
93	Đường tỉnh 512 kéo dài từ tỉnh lộ 505 xã Công Chính đi ĐT.520 xã Công Bình		III
94	Đường tỉnh 525 kéo dài từ tỉnh lộ 505 xã Thăng Thọ đi xã Thanh Thái huyện Như Thanh		III
95	Tuyến từ Đường tỉnh 506 xã Trường Minh đi Đường tỉnh 525 xã Tượng Văn		III
96	Đường Tây Thanh Hóa- Nghi Sơn		III
97	Tuyến song song với đường tỉnh 520, điểm đầu từ Cán Khê (Đường tỉnh 514) qua các xã Phượng Nghi, Mậu Lâm, Phú Nhuận, thị trấn Bến Sung, Yên Thọ, Yên Lạc, điểm cuối tại Thanh Kỳ		III
98	ĐT từ TT Bến Sung đi Vũ Yên (Nông Cống)	VI	III
99	Đường nối Ngọc Lặc - cửa khẩu Kheo huyện Thường Xuân		V
II	**Các tuyến chuyển từ quốc lộ thành đường địa phương**		
1	Điều chuyển đoạn Km0+00 - Km3+200 QL.47B hiện trạng thành đường địa phương	V	III
2	Điều chuyển Quốc lộ 10 đoạn từ huyện Hậu Lộc (Km211+400) đến TP Thanh Hóa (Km231+667) thành đường địa phương sau khi đầu tư xây dựng đoạn Quốc lộ 10 kéo dài từ Hậu Lộc đến Quảng Xương	IV	III

QUY HOẠCH HỆ THỐNG BẾN XE TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THANH HÓA

TT	Huyện	Tên bến	Vị trí	Hiện Trạng: Diện tích (m2)	Hiện Trạng: Loại bến	Quy hoạch đến 2030: Loại bến	Quy hoạch đến 2030: Diện tích tối thiểu (m2)	メモ
1	Thanh Hóa	BX phía Tây		5,242	3	Chuyển thành bãi đỗ xe, bến xe buýt, taxi/loại 3		Chuyển thành bãi đỗ xe, bến xe buýt, taxi loại 3
		BX phía Nam		7,104	3			
		Bx phía Bắc		7,558	3			
		BX trung tâm	Phía tây Thành Phố			1	11 ha	
		BX phía đông	Giao QL10 và QL47			1	12,000	
		BX phía bắc	Gần cầu Hàm Long			1	12,000	
		Bx phía Đông Bắc	Gần cầu Nguyệt Viên			3	3.5 ha	Tổ hợp dịch vụ và vận tải
		BX phía Nam	Gần nút giao VĐ3			1	14.1 ha	
2	Thọ Xuân	BX TT Thọ Xuân	TTThọ Xuân	4,976	4	3	5,000	
		TT. Lam Sơn	TT. Lam Sơn			3	3.5 ha	
		TT. Sao Vàng	TT. Sao Vàng			3	5ha	
		Xã Thọ Minh	Xã Thọ Minh			5	2,000	
3	Triệu Sơn	BX Triệu Sơn	TT. Triệu Sơn	6,268	4	4	7,000	
		BX Huyện Hồng	TT Triệu Sơn	6,608	4	4	6,608	Tổ hợp dịch vụ và vận tải tư nhân
		BX Minh Dân	Xã Minh Dân			4	7,000	
		BX Dân Lực	Xã Dân Lực			5	3,000	
		BX Bến Sim	Thị trấn Sim	700	6	5	2,000	
		BX Bến Chợ Nưa				5	2,000	
		BX Thọ Vực				5	1,500	
		BX Hảo Thực				5	1,500	Tổ hợp dịch vụ và vận tải tư nhân
		BX Ngã 3 Sim	Xã Hợp Thành			5	1,500	
4	Thiệu Hóa	BX TT. Vạn Hà	TT. Vạn Hà			4	5,000	
		BX Thiệu Chính	Xã Thiệu Chính			5	2,000	
		BX Thiệu Khánh	Xã Thiệu Khánh			5	2,000	
		BX Thiệu Giang	Xã Thiệu Giang			5	2,000	
		BX. Hậu Hiền	Xã Thiệu Tâm			5	2,000	Bổ sung QH
5	Yên Định	BX TT. Quán Lào	TT. Quán Lào	4,980	5	4	5,000	
		BX Kiểu (Yên Trường)	Xã Yên Trường			5	3,000	
		BX TT. Thống Nhất	TT. Thống Nhất			5	3,000	
6	Vĩnh Lộc	BX TT Vĩnh Lộc	TT Vĩnh Lộc	3,000	4	4	3,000	
		BX Vĩnh Hùng	Xã Vĩnh Hùng			5	2,000	
7	Đông Sơn	BX phía Đông Nam	Vân Thắng, Xã Đông Văn			5	2,000	
		Bến xe trung tâm	TT Rừng Thông			4	3,000	
		BX phía Tây	Xã Đông Khê			5	2,000	
8	Nông Cống	BX Nông Cống	TT Nông Cống	4,545	4	3	5,000	Hiện BX Nông Cống chưa đạt loại 4; QH mới BX phía Bắc TT Nông Cống, 30.000 m2
		BX TT. Chuối	Thị trấn Chuối			4	3,000	
		BX TT. Yên Mỹ	TT. Yên Mỹ			4	4,000	
		BX Yên Thành	Xã Yên Thành			5	1,500	
		BX Hoàng Gia	Hoàng Gia			4	3,000	
9	Hậu Lộc	BX. Minh Lộc	Xã. Minh Lộc	3,000	4	5	3,000	
		BX TT. Hậu Lộc	TT. Hậu Lộc			4	4,000	
		BX. Hoa Lộc	X. Hoa Lộc			4	3,000	
		BX. Phong Lộc	X. Phong Lộc			5	2,000	
10	Thị xã Nghi Sơn	BX TT Thị xã Nghi Sơn	Xã Hải Nhân (tại Nút giao QL1 và đường tránh QL1)			4	2,500	
		BX Hải Ninh	Xã Hải Ninh			5	2,000	
		BX Nghi Sơn	Xã Hải Thượng	13,180	4	2	13,180	
		BX Trúc Lâm	Xã Trúc Lâm			4	3,000	
11	Quảng Xương	BX TT. Quảng Xương	TT. Quảng Xương			4	3,000	
		BX Quảng Lợi	Xã Quảng Lợi	700	6	4	3,000	
		BX Quảng Ngọc	Xã Quảng Ngọc	700	6	6	700	
12	Nga Sơn	BX TT Nga Sơn	TT Nga Sơn	3,649	4	4	4,000	
		Bến Lở	Xã. Nga Phú			5	1500	
		BX Hồ Vương	Xã. Nga Liên			5	1500	
		BX Ngã tư Si	Xã. Nga Nhân			5	1500	
13	Hà Trung	BX TT Hà Trung	Thị trấn Hà Trung			4	3,000	
		Bx Hà Phú	Xã Hà Phú			5	2,000	
		BX Hà Lĩnh	Xã Hà Lĩnh			5	2,000	
		BX Hà Long	Xã Hà Long			5	2,000	
14	Hoằng Hóa	BX Hoằng Hóa	TT Bút Sơn	6,217	4	4	6,217	
		BX Khu du lịch Hải Yến	Khu du lịch Hải Yến			4	3,000	
15	TX. Bỉm Sơn	BX khách Bỉm Sơn	Phường Ngọc Trạo, TX Bỉm Sơn	4,966	4	3	5,000	QH mới nằm ngoài đô thị, phía Bắc TX Bỉm Sơn
		Khu vực nhà máy xi măng	Khu vực nhà máy xi măng			5	2,000	
16	Sầm Sơn	BX Bắc Sầm Sơn	trên đoạn giao của đại lộ Nam Sông Mã và đường Duyên Hải	4,500	4	3	3ha	
		BX Trường Sơn	Phường Trường Sơn			3	3ha	Bến xe bus trung tâm
		BX Nam Sầm Sơn	Xã Quảng Đại			3	3ha	
17	Như Xuân	BX TT Yên Cát	TT Yên Cát		4	3	13,000	
		BX TT Bãi Trành	Thị trấn Bãi Trành			5	2,000	
18	Thường Xuân	BX Thanh Quân	Xã Thanh Quân			5	2,000	
		BX TT Thường Xuân	Thị trấn Thường Xuân			4	3,000	
		BX Cửa Đạt	TT Thường Xuân	4,714	4	4	4,714	
		BX Khe Hạ	Luận Thành			5	3,000	
		BX Cửa khẩu Kheo	Xã Bát Mọt			6	1,500	
		BX Vạn Xuân	Trung Tâm Vạn Xuân			5	3,000	
19	Ngọc Lặc	BX TT Ngọc Lặc	TT Ngọc Lặc	5,000	4	1	15,000	
		BX Nguyệt Ấn	Xã Nguyệt Ấn			5	2,000	
		BX Ngọc Liên	Xã Ngọc Liên			5	2,000	
20	Cẩm Thủy	BX TT Cẩm Thủy	TT Cẩm Thủy	6,731	4	3	6,731	
		BX Phố Vạc	Xã Cẩm Thành			5	3,000	
		BX Cẩm Châu	Xã Cẩm Châu			5	3,000	
		BX Cẩm Tú	Xã Cẩm Tú			5	2,000	
		BX Cẩm Vân	Xã Cẩm Vân			5	2,000	
21	Thạch Thành	BX TT Kim Tân	TT Kim Tân			4	3,000	
		BX Phố Cát	Xã Thành Vân			5	2,000	
		BX Thạch Quảng	Xã Thạch Quảng			5	2,000	
22	Lang Chánh	BX TT Lang Chánh	TT Lang Chánh	7,000	3	4	7,000	
		Bx Yên Thắng – Yên Khương	Xã Yên Thắng – Yên Khương			6	700	
23	Quan Hóa	BX TT Hồi Xuân	Thị trấn Hồi Xuân			5	2,000	
		BX Phú Lệ	Xã Phú Lệ			6	800	
		BX Hiền Kiệt	Xã Hiền Kiệt			6	800	
24	Quan Sơn	BX TT Quan Sơn	TT Quan Sơn	5,000	4	5	5,000	
		BX Xã Mường Mìn	Xã Mường Mìn			6	800	
		BX Cửa khẩu Na Mèo	Cửa khẩu Na Mèo			4	4,000	
25	Như Thanh	BX TT Như Thanh	TT Như Thanh			4	3,000	
		BX Phượng Nghi	Xã Phượng Nghi			6	800	
		BX Thanh Tân	Xã Thanh Tân			6	800	
		Bến Sung	Bến Sung			4	3,000	
		Xuân Du	Xuân Du			6	500	
		Thanh Tân	Thanh Tân			4	2,000	
		Cán Khê	Cán Khê			6	500	
		Mậu Lâm	Mậu Lâm			6	500	
		TT Vườn QG Bến En	TT Vườn QG Bến En			6	500	
26	Bá Thước	Bx TT Cành Nàng	TT Cành Nàng			4	4,000	
		BX TT Đồng Tâm	TT Đồng Tâm			4	4,000	
27	Mường Lát	BX TT Mường Lát	TT Mường Lát			5	3,000	
		BX Tén Tằn	Khu đô thị Tén Tằn			4	4,000	

2021-2030年の現在の地方道路網整備計画

番号		通り名	現状 (技術レベル)	企画規模 (技術レベル)
1	501	Trường Thi - Hàm Rồng	Đô thị	Chuyển thành đường đô thị
2	502	Đình Hương - Giàng - Thiệu Đô Kéo dài đến ĐT.515	IV, VI	III III
3	503	Quốc lộ 47 - Cảng Thanh Hóa	IV	Chuyển thành đường đô thị
4	504	Quảng Bình - Quảng Yên Kéo dài 504	IV, VI	III III
5	505	Chuối - Thanh Tân	V, VI	III
6	505B	Thăng Long - Xuân Thái - đường Nghi Sơn - Bãi Trành	V, VI	III
7	506	Đường từ CHK Thọ Xuân đi KKT Nghi Sơn	III	Nâng lên thành Quốc lộ 47B
8	506B	TT Thiệu Hóa - Xuân Vinh - Xuân Lam Kéo dài đến ĐT.516C	V, VI	III
9	506C	Yên Phong - Cầu Bụt	VI	III
10	506D	Thọ Minh - Kiên Thọ	V	III
11	506E	Xuân Thiên - Ngọc Phụng	VI	IV
12	508	Hà Ninh - Ngã Ba Hạnh	V	Nâng lên quốc lộ (Kéo dài QL217)
13	508B	Yên Sơn - Hà Sơn - Vĩnh Hùng	VI	III
14	509	Nghĩa Trang - Chợ Phủ	V	III
15	510	Hoằng Long - Hoằng Đại - Ngã Tư Goòng - Chợ Vực	III, IV, V, VI	III; đoạn qua đô thị theo QHĐT
16	510B	Hoằng Trường - Hoằng Phụ	III, IV, V	III
17	511	Ngã Ba Môi - Núi Chẹt	III,IV	III
18	512	Tân Dân - Chuồng -Vạn Thiện - Tượng Sơn	V	III
19	513	Cầu Hổ - Nghi Sơn	III	Chuyển thành đường đô thị, 8-12 làn xe
20	514	Cầu Thiều - Thượng Ninh	III, V, VI	III
21	514B	Ngã Ba Sim - Xuân Thắng - TT Thường Xuân	V	III
22	515	Ngã Ba Chè - Hạnh Phúc	III, IV, V	III
23	515B	Thiệu Lý - Đông Hoàng Kéo dài đến giao với ĐT.517	IV	III III
24	515C	Đu - Thọ Vực - TT Triệu Sơn	V,VI	III
25	516	Kim Tân - Thạch Định - Thạch Quảng	IV	III
26	516B	Kim Tân - Vĩnh Hùng - TT Quán Lào - TT Thống Nhất - Phố Châu	IV, V, VI	III
27	516C	Thiệu Phú - Định Thành - Định Tân	V,VI	III
28	516D	Định Tiến - Yên Hùng	VI	III
29	517	Cầu Trầu - Nưa - Am Tiên	IV	III
30	518	Yên Bái - Án Đỗ	IV, V	Chuyển thành quốc lộ
31	518B	Cầm Sơn - Quý Lộc - Kiểu	V,VI	III
32	518C	Yên Trường - TT Thống Nhất - Xuân Tín Kéo dài từ xã Yên Trường đến xã Định Liên, huyện Yên Định	V, VI	III III
33	518D	Cao Thịnh - Quang Trung	VI	III
34	519	TT Thường Xuân - Hón Can	III,IV	III, đường đô thị
35	519B	TT Sao Vàng - Bình Sơn - Luận Thành - Bù Đồn	VI	III
36	520	Sim - TT Bến Sung - Thanh Tân	VI	III
37	520B	Xuân Quỳ - Thanh Quân	IV, VI	III
38	520C	TT Yên Cát - Xuân Khang	III, VI	III
39	520D	TT Yên Cát - Thanh Quân	IV,VI	III
40	521	Vạn Mai - Trung Sơn	IV, VI	III
41	521B	Cành Nàng - Lũng Cao	VI	IV
42	521C	Ban Công - Phú Lệ	V	III
43	521D	TT Mường Lát - Mường Lý	GTNT cấp A	III
44	521E	Tén Tần - Quang Chiểu - Mường Chanh	VI	III
45	522	Thành Tâm - Thành Long - Vĩnh Hưng - TT Vĩnh Lộc	VI	III
46	522B	Bỉm Sơn - Hà Long - Hà Lĩnh Kéo dài đoạn từ QL217 (Hà Lĩnh) đến Hà Sơn (ĐT.508B)	VI	III III
47	523	Hoạt Giang - Kim Tân - Thạch Quảng	IV,VI	III
48	523B	Cẩm Tú - Điền Lư	VI	III
49	523C	Vĩnh Long - Thạch Bình - Cẩm Ngọc	VI	III
50	523D	Ban Công - Lương Nội	VI	III
51	523E	Cẩm Phong - Cẩm Lương - Cẩm Thạch	VI	III
52	524	Cầu Báo Văn - Ngã Tư Sy - Nga Phú	V, VI	III
53	525	Chợ Kho - Minh Thọ - Thăng Thọ - Tượng Văn	V, VI	III
54	526	Đại Lộc - Hoa Lộc - Minh Lộc - Hải Lộc - Đa Lộc	V	III
55	526B	Hậu Lộc - Quán Dốc Kéo dài từ TT Hậu Lộc (QL.10 đến giao ĐT.526 tại Hòa Lộc)	IV	III III
56	527	Cầu Hà Lan - QL10	III, IV	III
57	527B	Từ Thôn - Mộng Giường	V, VI	III
58	527C	TT Hà Trung - Hà Lan	V	III
59	528	Quán Lào - Sét - Dốc Lê	VI	III
60	529	Thanh Tân - Bò Lăn	VI	III
61	530	Lang Chánh - Yên Khương	III, IV, VI	III
62	530B	TT Lang Chánh - Trung Hạ	VI	III
63	530C	Sông Lò - Nam Động	VI	IV

PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN ĐƯỜNG THUỶ NỘI ĐỊA THỜI KỲ 2021-2030

TT	Tuyến đường thủy nội địa	Chiều dài (km)	Cấp kỹ thuật
	Tổng cộng (I+II)	**818,5**	
I	**Trung ương quản lý**	**249,5**	
1	Kênh Nga Sơn: Từ ngã Ba Chế Thôn đến Điện Hộ (huyện Nga Sơn, huyện Hà Trung)	27	III
2	Kênh De: Từ ngã Ba Yên Lương đến ngã Ba Trường Xá (huyện Hậu Lộc)	6,5	IV
3	Sông Mã (36km)		
-	Từ ngã Ba Vĩnh Ninh đến ngã Ba Bông (huyện Hà Trung, huyện Vĩnh Lộc, huyện Yên Định)	19	IV
-	Từ ngã Ba Bông đến cầu Hoàng Long cách 200m về phía hạ lưu (TP Thanh Hóa, huyện Hoằng Hóa, huyện Thiệu Hóa, huyện Yên Định, huyện Hà Trung)	17	III
4	Sông Tào(=S.Tào + S.Trường) (32km)		
-	Từ Lạch Trường đến ngã Ba Trường Xá (huyện Hoằng Hóa, huyện Hậu Lộc)	8	III
-	Từ ngã Ba Trường Xá đến ngã Ba Hoằng Hà (huyện Hậu Lộc, huyện Hoằng Hóa)	6,5	III
-	Từ ngã Ba Hoằng Hà đến ngã Ba Sông Tào (huyện Hoằng Hóa, huyện Hậu Lộc)	17,5	III
5	Kênh Choán: Từ ngã Ba Hoằng Hà đến ngã Ba Hoằng Phụ (huyện Hoằng Hóa)	15	IV
6	Sông Lèn (51km)		
-	Từ cầu Đò Lèn đến ngã Ba Bông (huyện Hà Trung, huyện Vĩnh Lộc)	11	III
-	Từ Cửa Lạch Sung đến cầu Đò Lèn (huyện Nga Sơn, huyện Hậu Lộc, Hà Trung)	40	I
7	Sông Yên (62km)		
-	Từ Cửa Ghép đến Cầu Ghép (huyện Tĩnh Gia, huyện Quảng Xương)	12	II
-	Từ Cầu Ghép đến Cầu Vạy (huyện Tĩnh Gia, huyện Quảng Xương, huyện Nông Cống)	50	IV
8	Tuyến Lạch Bạng - Đảo Hòn Mê (huyện Tĩnh Gia)	20	I
II	**Địa phương quản lý**	**569**	
1	Sông Mã: Từ ngã Ba Vĩnh Ninh đến Cầu Na Sài (huyện Vĩnh Lộc, huyện Yên Định, huyện Cẩm Thủy, huyện Bá Thước, huyện Quan Hóa)	122	V
2	Sông Bưởi: (Thạch Thành, Vĩnh Lộc) 50,5km		
-	Từ Kim Tân đến Thành Mỹ (huyện Thạch Thành)	25	V
-	Từ Kim Tân đến ngã Ba Vĩnh Ninh (huyện Vĩnh Lộc, huyện Thạch Thành	25,5	IV
3	Sông Chu (57km)		
-	Từ ngã Ba Đầu đến Cầu Vạn Hà (huyện Thiệu Hóa)	10	III
-	Từ Cầu Vạn Hà đến Đập Bái Thượng (huyện Thiệu Hóa, huyện Thọ Xuân, huyện Thường Xuân, huyện Ngọc Lặc)	47	IV
4	Sông Cầu Chày: Từ ngã Ba Châu Chướng đến Cầu Si (huyện Yên Định, huyện Thiệu Hóa)	15,5	V
5	Sông Càn (18km)		
-	Từ phao số 0 đến hạ lưu cầu Sông Càn	7,8	II
-	Từ cầu Sông Càn đến cầu Điền Hộ	10,2	V
6	Sông Nhồi: Từ ngã Ba Bến Ngự đến Cầu Vạy (TP Thanh Hóa, huyện Quảng Xương, huyện Đông Sơn, huyện Nông Cống)	25	VI
7	Sông Lục Giang: Từ ngã Ba Nấp đến Âu Đông Tân (TP Thanh Hóa)	7	VI
8	Sông Cầu Quan: Từ ngã Ba Vua Bà đến Chợ Nưa (huyện Nông Cống)	29	VI
9	Sông Chuối: Từ ngã Ba Cây Sơ đến ngã Ba Cầu Vạn Hòa (huyện Nông Cống)	29	V
10	Sông Hoàng: Từ ngã Ba Ngọc Trà đến ngã Ba Sông Hoàng (huyện Quảng Xương)	16	V
11	Lòng hồ sông Mực - vườn QG Bến En (huyện Như Thanh)	36	I
12	Lòng hồ Cửa Đạt (huyện Thường Xuân)	43	I
13	Lòng hồ Thủy điện Trung Sơn (huyện Quan Hóa, Mường Lát)	46,5	V
14	Lạch Hới - Đảo Nẹ (huyện Hoằng Hóa, Hậu Lộc)	17	IV
15	Lòng Hồ thủy điện Hồi Xuân (huyện Quan Hóa)	40	V
16	Sông bạng: Từ cảng cá Lạch Bạng đến cầu Hổ (Nghi Sơn)	17,5	III

PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH HỆ THỐNG CẢNG, BẾN THUỶ NỘI ĐỊA

	Tên cảng, bến	Vị trí, địa điểm	Loại cảng bến	Công suất (nghìn tấn/năm)	Ghi chú
I	**Hệ thống cảng thủy nội địa**				
1	Cảng Hàm Rồng	P. Nam Ngạn, TP. Thanh Hóa	Cảng hành khách		Xây dựng mới
2	Cảng Hoằng Lý	Xã Hoằng Lý, huyện Hoằng Hoá	Cảng tổng hợp	300	Nâng cấp, mở rộng
3	Cụm cảng Đò Lèn	TT. Hà Trung, huyện Hà Trung	Cảng tổng hợp	1400	Xây dựng mới
4	Cảng Nga Bạch	Xã Nga Bạch, huyện Nga Sơn	Cảng tổng hợp	150	Nâng cấp, mở rộng
5	Cảng Hải Châu	Xã Hải Châu, TX. Nghi Sơn	Cảng tổng hợp	150	Xây dựng mới
6	Cảng Bình Minh (Cảng Lạch Bạng)	Xã Bình Minh, TX. Nghi Sơn	Cảng hàng hoá Bến hành khách Bến SCPT ĐT	1000	Xây dựng mới
7	Cảng Lạch Trường	Xã Hoằng Trường, huyện Hoằng Hoá	Cảng tổng hợp	150	Xây dựng mới
II	**Hệ thống bến thủy nội địa**				
1	**Sông Mã**				
1.1	Bến Cửa Hới	TP. Sầm Sơn, TP. Thanh Hoá	Bến du lịch	50000 khách/năm	Xây dựng mới
1.2	Bến Chùa Khải Nam	Phường Quảng Tiến, Sầm Sơn	Bến du lịch	50000 khách/năm	Xây dựng mới
1.3	Bến Đền thờ Cá Lập	Phường Quảng Tiến, Sầm Sơn	Bến du lịch	50000 khách/năm	Xây dựng mới
1.4	Bến Hoằng Đại	Xã Hoằng Đại, TP. Thanh Hoá	Bến tổng hợp	300	Xây dựng mới
1.5	Bến Quảng Hưng (Bến Hoằng Linh và bến HTX TB Lam Sơn)	Phường Quảng Hưng TP. Thanh Hoá	Bến chuyên dùng sửa chữa Bến tổng hợp	50 phương tiện/năm 300	Xây dựng mới
1.6	Bến vật liệu xây dựng	P. Đông Hải, TP Thanh Hóa	Bến chuyên dùng	100	Xây dựng mới (02 bến)
1.7	Bến vật liệu xây dựng	Xã Hoằng Đại, TP Thanh Hóa	Bến chuyên dùng	100	Xây dựng mới
1.8	Bến Hàm Rồng	Phường Hàm Rồng, TP Thanh Hóa	Bến du lịch	50000 khách/năm	Xây dựng mới
1.9	Bến Thiền viện Trúc Lâm	Phường Hàm Rồng, TP Thanh Hóa	Bến du lịch	50000 khách/năm	Xây dựng mới
1.1	Bến Chùa Sùng Niêm	Phường Nam Ngạn, TP Thanh Hóa	Bến du lịch	50000 khách/năm	Xây dựng mới
1.1	Bến Chùa Phủ Vàng	Xã Hoằng Xuân, huyện Hoằng Hóa	Bến du lịch	50000 khách/năm	Xây dựng mới
1.1	Bến Ba Bông	Xã Hà Sơn, huyện Hà Trung	Bến hành khách	50000 khách/năm	Xây dựng mới
1.1	Bến vật liệu xây dựng	P. Thiệu Dương, TP Thanh Hóa	Bến chuyên dùng	50/bến	Xây dựng mới (02 bến)
1.1	Bến Hoằng Lý	Phường Tào Xuyên, TP. Thanh Hóa	Bến tổng hợp	300	Nâng cấp, mở rộng
1.2	Bến vật liệu xây dựng	Xã Hoằng Giang, huyện Hoằng Hoá	Bến chuyên dùng	100	Xây dựng mới
1.2	Bến vật liệu xây dựng	Xã Hoằng Xuân, huyện Hoằng Hoá	Bến chuyên dùng	100	Xây dựng mới
1.2	Bến Định Tiến	Xã Định Tiến, huyện Yên Định	Bến chuyên dùng sửa chữa phương tiện	50 phương tiện/năm	Xây dựng mới
1.2	Bến Yên Hoành	Xã Định Tân, huyện Yên Định	Bến hàng hoá	100	Xây dựng mới
1.2	Bến vật liệu xây dựng	Xã Yên Phong, huyện Yên Định	Bến chuyên dùng	100	Xây dựng mới
1.2	Bến vật liệu xây dựng	Xã Vĩnh Yên, huyện Vĩnh Lộc	Bến chuyên dùng	100/bến	Xây dựng mới (02 bến)
1.2	Bến vật liệu xây dựng	Xã Định Hải, huyện Yên Định	Bến chuyên dùng	100	Xây dựng mới
1.2	Bến vật liệu xây dựng	Xã Yên Thái, huyện Yên Định	Bến chuyên dùng	100	Xây dựng mới (02 bến)
1.2	Bến Ngư (chùa Linh Giang)	Huyện Vĩnh Lộc	Bến du lịch	50000 khách/năm	Xây dựng mới
1.2	Bến vật liệu xây dựng	Xã Ninh Khang, huyện Vĩnh Lộc	Bến chuyên dùng	100	Xây dựng mới
1.3	Bến vật liệu xây dựng	Xã Vĩnh Hùng, huyện Vĩnh Lộc	Bến chuyên dùng	100	Xây dựng mới
1.3	Bến vật liệu xây dựng	Xã Minh Tâm, huyện Vĩnh Lộc	Bến chuyên dùng	100	Xây dựng mới
1.3	Bến Kiểu (Bến Nhất Linh)	Xã Yên Trường Huyện Yên Định	Bến hàng hoá	200	Nâng cấp, mở rộng
1.3	Bến vật liệu xây dựng	Thị trấn Quý Lộc, Yên Định	Bến chuyên dùng	100	Xây dựng mới
1.3	Bến Cẩm Thuỷ (chùa Ngọc Sơn)	Huyện Cẩm Thuỷ	Bến du lịch	50000 khách/năm	Xây dựng mới
1.3	Bến vật liệu xây dựng	Xã Cẩm Vân, huyện Cẩm Thuỷ	Bến chuyên dùng	100/bến	Xây dựng mới (03 bến)
1.3	Bến vật liệu xây dựng	Xã Cẩm Yên, huyện Cẩm Thuỷ	Bến chuyên dùng	50/bến	Xây dựng mới
1.3	Bến vật liệu xây dựng	Xã Cẩm Giang, huyện Cẩm Thủy	Bến chuyên dùng	50	Xây dựng mới
1.3	Bến vật liệu xây dựng	Xã Cẩm Ngọc, huyện Cẩm Thủy	Bến chuyên dùng	51	Xây dựng mới
1.3	Bến vật liệu xây dựng	Xã Cẩm Tân, huyện Cẩm Thuỷ	Bến chuyên dùng	100	Xây dựng mới
1.4	Bến trung chuyển khu vực Đập TĐ Cẩm Thuỷ 2	Xã Cẩm Bình Huyện Cẩm Thuỷ	Bến tổng hợp	100	Xây dựng mới (1 bến thượng lưu + 1 bến hạ lưu)
1.4	Bến Cẩm Phong	TT Cẩm Thuỷ	Bến hàng hoá	100	Xây dựng mới
1.4	Bến trung chuyển khu vực Đập TĐ Cẩm Thuỷ 1	Xã Cẩm Bình Huyện Cẩm Thuỷ	Bến tổng hợp	100	Xây dựng mới (1 bến thượng lưu + 1 bến hạ lưu)
1.4	Bến trung chuyển khu vực Đập TĐ Bá Thước 2	Xã Lương Ngoại huyện Bá Thước	Bến tổng hợp	100	Xây dựng mới (1 bến thượng lưu + 1 bến hạ lưu)
1.4	Bến La Hán	Xã Ban Công huyện Bá Thước	Bến hàng hoá + Bến chuyên dùng (SCPT)	100	Xây dựng mới
1.4	Bến vật liệu xây dựng	Xã Ban Công, huyện Bá Thước	Bến chuyên dùng	100	Xây dựng mới
1.4	Bến trung chuyển khu vực Đập TĐ Bá Thước 1	Xã Thiết Kế, huyện Bá Thước	Bến tổng hợp	100	Xây dựng mới (1 bến thượng lưu + 1 bến hạ lưu)
1.4	Bến trung chuyển khu vực Đập TĐ Hồi Xuân	Bản Giá, xã Thanh Xuân, huyện Quan Hóa	Bến hàng hoá	100	Xây dựng mới (1 bến thượng lưu + 1 bến hạ lưu)
1.4	Bến Phú Thanh	Xã Phú Thanh, huyện Quan Hoá	Bến hàng hoá + Bến chuyên dùng (SCPT)	100	Xây dựng mới
1.4	Bến trung chuyển khu vực Đập TĐ Thành Sơn	Xã Thành Sơn, huyện Quan Hóa	Bến hàng hoá	100	Xây dựng mới (1 bến thượng lưu + 1 bến hạ lưu)
1.5	Bến trung chuyển khu vực Đập TĐ Trung Sơn	Xã Trung Sơn, Huyện Quan Hoá	Bến hàng hoá	100	Xây dựng mới (1 bến thượng lưu + 1 bến hạ lưu)
2	**Sông Chu**				
2.1	Bến Vồm	Xã Thiệu Khánh, TP. Thanh Hóa	Bến hàng hoá	100	Xây dựng mới
2.1	Bến vật liệu xây dựng	P. Thiệu Khánh, TP. Thanh Hóa	Bến chuyên dùng	100	Xây dựng mới
2.3	Bến Vạn Hà	TT. Vạn Hà huyện Thiệu Hoá	Bến hàng hoá	100	Xây dựng mới
2.4	Bến vật liệu xây dựng	Thị trấn Vạn Hà, huyện Thiệu Hóa	Bến chuyên dùng	100/bến	Xây dựng mới (03 bến)
2.5	Bến Thiệu Phúc	Xã Thiệu Phúc, huyện Thiệu Hoá	Bến hàng hoá	50	Xây dựng mới
2.6	Bến vật liệu xây dựng	Xã Thiệu Minh, huyện Thiệu Hoá	Bến chuyên dùng	100	Xây dựng mới
2.7	Bến vật liệu xây dựng	Xã Thiệu Toán, huyện Thiệu Hóa	Bến chuyên dùng	100	Xây dựng mới (02 bến)
2.8	Bến vật liệu xây dựng	Xã Thiệu Vũ, huyện Thiệu Hóa	Bến chuyên dùng	100	Xây dựng mới
2.9	Bến Hạnh Phúc	Xã Hạnh Phúc, huyện Thọ Xuân	Bến hàng hoá	50	Xây dựng mới
2.1	Bến TT Thọ Xuân	Thị trấn Thọ Xuân, Thọ Xuân	Bến du lịch + Sửa chữa tàu		Xây dựng mới
2.1	Bến vật liệu xây dựng	Thị trấn Thọ Xuân, Thọ Xuân	Bến chuyên dùng	100	Xây dựng mới
2.1	Bến vật liệu xây dựng	Xã Thiệu Nguyên, huyện Thiệu Hoá	Bến chuyên dùng	100	Xây dựng mới
2.1	Bến vật liệu xây dựng	Xã Thọ Hải, huyện Thọ Xuân	Bến chuyên dùng	100	Xây dựng mới
2.1	Bến vật liệu xây dựng	Xã Thọ Lâm, huyện Thọ Xuân	Bến chuyên dùng	100	Xây dựng mới
2.2	Bến vật liệu xây dựng	Xã Xuân Hồng, huyện Thọ Xuân	Bến chuyên dùng	100	Xây dựng mới (02 bến)
2.2	Bến vật liệu xây dựng	Xã Thọ Minh, huyện Thọ Xuân	Bến chuyên dùng	100	Xây dựng mới
2.2	Bến vật liệu xây dựng	Xã Thọ Lập, huyện Thọ Xuân	Bến chuyên dùng	100	Xây dựng mới
2.2	Bến Mục Sơn	TT Lam Sơn, huyện Thọ Xuân	Bến hàng hoá	50	Xây dựng mới
2.2	Bến Bái Thượng	Xã Xuân Bái, huyện Thọ Xuân	Bến hàng hoá	50	Xây dựng mới
2.2	Bến vật liệu xây dựng	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân	Bến chuyên dùng	100	Xây dựng mới
2.2	Bến vật liệu xây dựng	Xã Xuân Lai, huyện Thọ Xuân	Bến chuyên dùng	100	Xây dựng mới
3	**Sông Lèn**				
3.1	Bến Thắm	Xã Liên Lộc, huyện Hậu Lộc	Bến tổng hợp	50	Xây dựng mới
3.2	Bến Châu Lộc	Xã Châu Lộc, huyện Hậu Lộc	Bến chuyên dùng	50	Xây dựng mới
3.3	Bến Hà Sơn	Xã Hà Sơn, huyện Hà Trung	Bến khách du lịch	50000 khách/năm	Xây dựng mới
3.4	Bến Gũ	Xã Hà Phú, huyện Hà Trung	Bến tổng hợp	50	Xây dựng mới
3.5	Bến vật liệu xây dựng	Xã Đồng Lộc, huyện Hậu Lộc	Bến chuyên dùng	100	Xây dựng mới
3.6	Bến vật liệu xây dựng	Thị trấn Hà Trung, H. Hà Trung	Bến chuyên dùng	100	Xây dựng mới
3.7	Bến vật liệu xây dựng	Thị trấn Hà Trung, H. Hà Trung	Bến chuyên dùng	100	Xây dựng mới
3.8	Bến vật liệu xây dựng	Xã Hà Lâm, huyện Hà Trung	Bến chuyên dùng	100	Xây dựng mới
4	**Sông Tào**				
4.1	Bến Hoằng Lý	Hoằng Lý, TP. Thanh Hóa	Bến tổng hợp	50	Nâng cấp
4.2	Bến Bút Sơn	TT. Bút Sơn, huyện Hoằng Hóa	Bến tổng hợp	50	Xây dựng mới
4.3	Bến Xuân Lộc	Xã Hoà Lộc, huyện Hậu Lộc	Bến chuyên dùng	50	Nâng cấp
4.4	Bến vật liệu xây dựng	P. Tào Xuyên, TP. Thanh Hóa	Bến chuyên dùng	50	Xây dựng mới (4 bến)
4.5	Bến vật liệu xây dựng	P. Long Anh, TP Thanh Hoá	Bến chuyên dùng	50	Xây dựng mới
4.6	Bến vật liệu xây dựng	Xã Hoằng Đức, H. Hoằng Hoá	Bến chuyên dùng	50	Xây dựng mới
4.7	Bến vật liệu xây dựng	P. Thiệu Khánh, TP Thanh Hoá	Bến chuyên dùng	50	Xây dựng mới
5	**Sông Bưởi**				
5.1	Bến Cổ Tế	Xã Thạch Long, H. Thạch Thành	Bến tổng hợp	50	Xây dựng mới
5.2	Bến Kim Tân	Xã Thành Hưng, H. Thạch Thành	Bến tổng hợp	50	Xây dựng mới
5.3	Bến cầu Công	Cầu Công, huyện Thạch Thành	Bến tổng hợp	50	Xây dựng mới
5.4	Bến vật liệu xây dựng	Xã Vĩnh Phúc huyện Vĩnh Lộc	Bến chuyên dùng	50	Xây dựng mới
5.5	Bến vật liệu xây dựng	Xã Vĩnh Hoà, huyện Vĩnh Lộc	Bến chuyên dùng	50	Xây dựng mới
6	**Sông Nhồi**				
6.1	Bến Ngự	P. Đông Hương, TP. Thanh Hoá	Bến tổng hợp	50	Xây dựng mới
7	**Sông Yên**				
7.1	Bến Ngọc Trà	Xã Quảng Trung, H. Quảng Xương	Bến hàng hoá	50	Xây dựng mới
7.2	Bến Vua Bà		Bến hàng hoá	50	Xây dựng mới
7.3	Bến Cầu Vạy		Bến hàng hoá	50	Xây dựng mới
8	**Kênh Nga**				
8.1	Bến Báo Văn	Xã Hà Hải, huyện Hà Trung	Bến hàng hoá	50	Xây dựng mới
8.2	Bến vật liệu xây dựng	Xã Hà Hải, huyện Hà Trung	Bến chuyên dùng	50	Xây dựng mới
8.3	Bến vật liệu xây dựng	Xã Nga Phượng, H. Nga Sơn	Bến chuyên dùng	50	Xây dựng mới
9	**Kênh Choán**				
9.1	Bến Hoằng Phụ	Xã Hoằng Phụ, H. Hoằng Hoá	Bến tổng hợp	50	Xây dựng mới
10	**Sông Chuối**				
10	Bến Mâm	Xã Trường Trung, H. Nông Cống	Bến tổng hợp	50	Xây dựng mới
10	Bến Minh Nghĩa	Xã Minh Nghĩa, H. Nông Cống	Bến tổng hợp	50	Xây dựng mới
11	**Sông Bạng**				
11	Bến Đò Dừa	Xã Trúc Lâm, TX. Nghi Sơn	Bến tổng hợp	50	
11	Bến Bình Minh	Xã Bình Minh, TX. Nghi Sơn	Bến chuyên dùng	50 phương tiện/năm	Xây dựng mới
12	**Sông Càn**				
12	Bến Mộng Giường	Huyện Nga Sơn	Bến tổng hợp	50	Nâng cấp
13	**Đảo Hòn Mê**				
13	Bến Hòn Mê	Đảo Hòn Mê, TX. Nghi Sơn	Bến tổng hợp + hành khách		Xây dựng mới
14	**Hồ Yên Mỹ**				
14	Bến Yên Mỹ	Xã Yên Mỹ, huyện Nông Cống	Bến du lịch	50000 khách/năm	Xây dựng mới
15	**Vườn Quốc gia Bến En**				
15	Bến đầu mối Vườn Quốc gia Bến En	Xã Hải Vân, huyện Như Thanh	Bến du lịch + Sửa chữa tàu thuyền		Xây dựng mới
16	**Hồ Cửa Đạt**				
16	Bến đầu mối hồ Cửa Đạt	Xã Xuân Cẩm, huyện Thường Xuân	Bến du lịch + Sửa chữa tàu thuyền		Xây dựng mới
16	Bến Xuân Liên	Xã Xuân Liên			Xây dựng mới
16	Bến Chun Mô				Xây dựng mới
16	Bến Dốc Cáy				Xây dựng mới
17	Bến Xuân Khao				Xây dựng mới
17	Bến Hón Can				Xây dựng mới
17	**Bến FLC Sầm Sơn**	TP. Sầm Sơn	Bến du lịch	50000 khách/năm	Xây dựng mới
18	**Bến Hải Tiến**	Xã Hoằng Tiến, huyện Hoằng Hoá	Bến du lịch	50000 khách/năm	Xây dựng mới
19	**Đảo Nẹ**	Xã Ngư Lộc, huyện Hậu Lộc	Bến du lịch	50000 khách/năm	Xây dựng mới